

Cách mạng tháng 8 và tình trạng tham nhũng lan tràn

Tôn Thất Thiện

Cuối tháng 8 và đầu tháng 9 này, Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ rầm rộ tổ chức nhiều hội hè để ca tụng thành tích của "Cách mạng tháng 8". Trong khi đó, quốc hội và dân chúng lại chú tâm về vấn đề tham nhũng.

Tham nhũng là một đề tài càng ngày càng được đề cập đến, trong cũng như ngoài nước. Có thể nói nó là vấn đề được bàn tán sôi nổi nhất hiện nay. [...] Nước Việt Nam đang trở thành một nước dẫn đầu thế giới về mức tham nhũng, và xã hội Việt Nam đang trên đà băng hoại : tham nhũng tràn lan, từ tột đỉnh đến tận cùng của quốc gia, xã hội ; nó đang biến dân tộc Việt Nam thành một dân tộc vô đạo, không có ý thức gì về "công ích, công lợi", một khái niệm then chốt trong sự điều hành êm đẹp của một quốc gia và sự trường tồn của một xã hội.

Trong những cuộc bàn tán về vấn đề, ta thường chỉ được nghe kể lại những trường hợp tham nhũng, phàn nàn về hành động và thái độ của viên chức nhà nước, cán bộ đảng, hay đả kích tố giác sự thờ ơ hay bất lực của lãnh đạo đảng. Nhưng còn một số khía cạnh quan trọng, then chốt, của vấn đề không được đề cập đến, đó là :

1. Tại sao tham nhũng lan tràn đến một mức độ kinh khủng như vậy ?
2. Ai mang trách nhiệm lớn nhất về tình trạng này ?
3. Thực sự, làm sao giải tỏa tình trạng ?

Tham nhũng thì thời đại nào cũng có. Trước 1945, trong các thời gian trước thời bảo hộ Pháp, và trong thời gian bảo hộ, cũng có vấn đề "tham quan, ô lại", nhưng nó không ở mức lan tràn, trắng trợn như ngày nay. Trong những năm chiến tranh, 1945-1975, tham nhũng không là một vấn đề trong các vùng cộng sản ; trong những vùng quốc gia nó chỉ giới hạn và lén lút. Chỉ từ 1975, sau khi phe cộng sản chiếm đoạt được chính quyền và áp đặt sự cai trị của họ trên toàn quốc, tham nhũng mới xuất hiện, trắng trợn, lan tràn, và đạt tới một mức độ khủng khiếp mà lịch sử Việt Nam chưa hề thấy. Lần đầu tiên vấn đề được công khai đề cập đến như một vấn đề lớn của đảng và của nhà nước là năm 1976 ; người lên tiếng báo động là ông Phạm Văn Đồng, lúc đó là thủ tướng. Từ đó đến nay, qua 5 đại hội, sau 30 năm nắm toàn quyền, báo cáo chính trị nào của đảng cũng đề cập đến vấn nạn này như một vấn đề cần được giải quyết gấp, nhưng cho đến nay không những nó không được giải quyết mà còn trầm trọng hơn. Nó là một "quốc nạn", như ông Đỗ Mười đã thú nhận trong thời gian ông làm tổng bí thư.

Một điều rõ ràng nhất, và có thể nói là lạ nhất, là ở Việt Nam hiện nay, tất cả mọi người, trong đảng - từ các cán bộ cấp cao nhất đến các cán bộ cấp phường, cấp xã và đảng viên thường - và ngoài đảng - từ công chức nhà nước cấp cao cho đến thường dân không có quyền hành gì cả - đều đòi hối lộ và nhận hối lộ. Họ làm một cách thần

nhiên, công khai, không do dự, không ngưng ngừng, không sợ sệt, không hổ thẹn, không hối hận. Họ cho đó là một sự đương nhiên, và họ không thắc mắc gì cả.

Tại sao ?

Tại sao những người trên đây hành động và có thái độ như vậy ? Động lực nào đã thúc đẩy họ ?

Đây là khía cạnh tâm lý, nhưng nó liên quan đến tất cả các khía cạnh khác. Ở đây, cần phân biệt người trong đảng và miền Bắc, và người ngoài đảng và miền Nam.

Yếu tố hiển nhiên nhất liên quan đến vấn đề tham nhũng là lịch sử. Từ 1945 đến 1975 Việt Nam chiến tranh liên miên. Đó là chưa nói đến những năm 1940 đến 1945, và 1978 đến 1989. Từ 1940 đến 1945 một số cán bộ đảng cộng sản phải sống lén lút trong các vùng rừng rú, và từ 1978 đến 1989 nhiều thanh niên miền Bắc cũng như miền Nam phải "làm nghĩa vụ" ở Kampuchia.

Trong thời chiến tranh, nhiều cán bộ, đảng viên đảng cộng sản, và rất nhiều thanh niên trong các vùng "giải phóng", nhất là ở miền Bắc, phải sống cơ cực, kham khổ trong rừng rú hết năm này qua năm khác. Phần khác, họ bị cô lập, không được thấy, hay biết đến, những biến chuyển làm cho đời sống dễ chịu hơn do tiến bộ khoa học kỹ thuật thế giới đem lại : dụng cụ máy móc đủ loại, từ cái đồng hồ tay tự động, cái thẻ bao nhựa, đến radio xách tay, máy vô tuyến truyền hình, đến xe đạp gắn máy, xe mô tô, tủ lạnh, tủ đông lạnh, máy điện toán, đến cả máy điều hòa không khí, ô tô Mercedes (cho cấp lãnh đạo)... Đó là chưa nói đến hàng hóa thường dùng (vải, áo quần, giày dép, chén bát), các loại thức ăn bày bán tràn lan ngoài vỉa hè, hay trưng bày trong nhà của người thân thuộc...

Đứng trước tình trạng trên, các đảng viên, cán bộ, và ngay cả thường dân miền Bắc cũng say mê, thèm khát. Nhưng làm sao có được những thứ mình thèm khát khi mình là vô sản, đã bị bản cùng hóa vì mấy chục năm sống trong các "vùng giải phóng", phải tước bỏ hết mọi vật dụng vì không có chỗ cất giấu. Phần khác, lại thêm một chủ thuyết lấy "vô sản" làm lý tưởng và mục tiêu của cuộc sống. Sau mấy chục năm chiến tranh khốc liệt, và sau mấy đợt chỉnh huấn (1953), "cải cách ruộng đất" (1953) và "cải tạo xã hội chủ nghĩa" (1959), ai cũng "vô sản", xơ xác, không có tiền để mua sắm những thứ mà mình thèm khát trưng bày tràn lan trong những vùng mà họ chiếm đóng.

Để ra khỏi tình trạng nói trên, các đảng viên, cán bộ cộng sản sử dụng một khí cụ mà họ độc quyền, và có rất dồi dào : quyền thế. Quyền thế tạo ra tiền tài. Có quyền là có tiền. Bí quyết của sự chuyển biến thần kỳ này là bày ra giấy tờ, xin phép. Mà chỉ có đảng viên, cán bộ cộng sản, hay được đảng chấp nhận mới được ngồi vào những địa vị ban cấp giấy phép. Mỗi lần cấp giấy phép là phải qua "thủ

tục đầu tiên" : xìa tiền ra. Ít, nhiều, tùy cấp. Ở cấp thấp thì bạc trăm, bạc nghìn ; ở cấp cao thì bạc triệu. Như vậy, cán bộ, đảng viên, trên nguyên tắc là "vô sản", nhưng trên thực tế lại là "hữu sản" đại quy mô. Trong và ngoài đảng gọi họ là "tư bản đỏ".

Theo nhiều nguồn tin, có rất nhiều cán bộ là triệu phú, tính bằng đô la Mỹ ! Ở các thị xã lớn hay các tỉnh, các cán bộ cấp ủy xây nhà đồ sộ, đáng giá cả triệu đô la, mỗi lần tiệc tùng tốn đến hàng trăm, hàng ngàn đô la... Đảng thì lại càng giàu hơn nữa, vì có thể công khai "chuyển" tài sản của quốc gia làm tài sản của đảng. Theo ước lượng của Phòng Thương Mại Mỹ, năm 1999, tài sản của Đảng Cộng Sản Việt Nam lên đến 20 tỷ đô la Mỹ, năm 1966 có đến 100 đảng viên có tài sản lên tới 300 triệu đô la Mỹ.

Bên cạnh đảng, và nay đang trên đà nằm trên đảng, là những thành phần "kinh doanh", liên kết với những cán bộ đảng hay nhân viên chính quyền tham nhũng, làm giàu bằng cách mở rộng mạng lưới tham nhũng, khiến nó trầm trọng thêm.

Càng có, càng muốn có thêm. Thêm khát hợp với tham lam thúc đẩy các cán bộ nhân viên ra tay vợ vét tối đa và tối tấp. Để bảo đảm cho những vợ vét này không bị tố giác, họ cấu kết với nhau. Pháp luật và dư luận không làm gì được vì họ được lãnh đạo cao cấp che chở, mà quy luật tuyệt đối trong các xã hội độc tài là không được đụng đến lãnh đạo cao cấp để giữ uy tín của đảng. Khi bị trở ngại, họ sẵn sàng dùng bạo lực. Tham nhũng đang biến thành một mạng lưới quy mô, được gọi là *mafia*, hoạt động công khai. Danh từ *mafia* đã được dùng ngay trong diễn văn của những lãnh đạo đảng.

Về phần những người ngoài đảng, công chức hoặc thường dân không phải là đảng viên, đặc biệt là ở miền Nam, thì thái độ là "người ta làm sao, mình làm vậy"... Không tham nhũng thì không sống được. Tham nhũng trở thành một điều kiện tồn tại trong nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hiện nay. Từ hàng ngũ đảng, nó lan ra tràn ngập miền Nam. Người miền Nam bị vô sản hóa sau những đợt thanh trừng "ngụy", những đợt đổi tiền và "cải tạo xã hội", bị đặt ra bên lề xã hội ; họ phải kiếm cách xoay xở để sống, và làm như cán bộ nhân viên chế độ "xã hội chủ nghĩa" từ Bắc Việt vào. Tham nhũng để sinh tồn không được coi như một tội lỗi, hay một điều xấu xa, đáng hổ thẹn, mà, trái lại. Nó không được tôn là một điều vinh quang, đáng kính, nhưng nó được coi là một điều đáng làm, vì phải làm, trong điều kiện hiện tại, trong chế độ "xã hội chủ nghĩa" hiện hữu.

Hậu quả của những điều đã nói trên là quan niệm "công" - "công ích", "công lợi", "công tâm", "công sản" - hoàn toàn không còn. Người ta chỉ biết có mình và gia đình, nghĩ đến tư lợi. Trong việc cứu xét hồ sơ, ký giấy phép, lấy quyết định, cái gì có lợi cho mình thì làm, dù có hại cho cộng đồng và cho tương lai đất nước, cái gì không có lợi cho mình, dù có lợi cho cộng đồng và cho đất nước, thì không làm. Đó là thái độ : chỉ lo cho ta, ai chết mặc ai. Đảng đã dạy cho mọi người trong cũng như ngoài đảng chỉ biết giai cấp. Đảng lại tạo điều kiện cho họ đi xa hơn một

bước nữa : họ chỉ biết có mình thôi ! Một điều trầm trọng hơn nữa là : không những họ chỉ biết lo cho bản thân mình mà thôi, mà còn dạy cho con cái họ rằng làm trái lại là "dại dột".

Một quốc gia trong đó quan niệm "công cộng, công ích, công lợi, công tâm, công sản" không có, thì thiếu điều kiện thiết yếu để sinh hoạt êm đẹp và phát triển. Một xã hội trong đó đạo lý không có, thì thiếu điều kiện thiết yếu để trường tồn như một xã hội văn minh, biết tự trọng, và được thế giới trọng nề. Việt Nam hiện nay là một quốc gia và một xã hội thiếu những điều kiện thiết yếu đó.

Tóm lại, có tình trạng tham nhũng lan tràn vì nhân dân Việt Nam đã bị bần cùng hóa vì chiến tranh quá lâu, toàn diện và bị làm vật hy sinh cho lý thuyết suy tôn vô sản.

Ai trách nhiệm ?

Trả lời câu hỏi "tại sao ?" cũng là trả lời câu hỏi : "ai mang trách nhiệm chính về tình trạng này ?".

Ba nhân vật đã lãnh đạo cao cấp nhất của đảng cộng sản trong mấy thập niên liền : Hồ Chí Minh, người đã du nhập chủ thuyết "cách mạng" cộng sản vào Việt Nam và điều khiển cuộc "vô sản hóa" dân Việt Nam ; Võ Nguyên Giáp, người đã tự hào là cha đẻ của chiến lược "chiến tranh toàn dân, toàn lực, toàn diện" ; Trường Chinh, người đã vạch ra chiến lược "trường kỳ kháng chiến". Hậu quả của ba chính sách trên là bần cùng hóa dân Việt Nam. Và bần cùng tất nhiên sinh đạo tặc.

Về tình trạng hủ hóa nói trên, nhân dân Việt Nam chỉ là nạn nhân. Hành vi của họ là hành vi bất đắc dĩ, để đáp ứng một tình hình do các quyết định chiến lược do giới lãnh đạo cao cấp đảng lựa chọn. Trong ngắn hạn, những chiến lược đó đã đem lại kết quả ngoạn mục, nhưng về dài hạn thì, trái lại, nó sai lầm. Qua thời gian, sự sai lầm này càng ngày càng rõ ra.

Căn nguyên của sự sai lầm của các lãnh đạo đảng là, như hàng triệu người Việt khác, họ muốn thấy Việt Nam độc lập, sung túc, tiến bộ, nghĩa là họ yêu nước. Nhưng để đạt những mục tiêu ấy, họ chọn một con đường đưa đến những hậu quả tai hại cho dân tộc : con đường "chiến tranh cách mạng" kiểu lê-nin-nít. Vì thiếu sáng suốt và vì nóng nảy, họ say mê với lối tranh đấu này, và mù quáng đầu nhận tất cả những đòi hỏi của nó. Họ không thấy rằng :

1. Sau Thế Chiến II, chấm dứt chế độ thuộc địa chỉ là một vấn đề thời gian.

2. Việt Nam là một nước nghèo, chậm tiến, cần một thời gian hòa bình và ổn định để xây dựng, phát triển và hiện đại hóa, mà chiến tranh là xáo trộn, tàn phá.

3. Sự xây dựng, phát triển đòi hỏi sự động viên, đoàn kết, tập hợp, chung sức của tất cả các tầng lớp xã hội để hữu sản hóa, nâng cao mức sống của toàn dân, mà đấu tranh giai cấp là cản trở căn bản của những đòi hỏi này.

Nhận xét trên đây gợi lên ý kiến là các quan niệm "yêu nước", "cách mạng" đã được dùng trong thời gian qua cần phải được xét lại, đặc biệt là trong các giới biết suy nghĩ của đảng cộng sản. "Yêu nước" thường được giải thích là chủ trương, tán đồng, chiến tranh chống Pháp, rồi chống

Mỹ. Những người "yêu nước" là những người hăng say trong việc đánh giết, hận thù Pháp và Mỹ. "Cách mạng" thường được giải thích là hăng say "đấu tranh giai cấp", vô sản hóa dân Việt Nam, và thực hiện "cách mạng thế giới" - vô sản hóa toàn thể thế giới. Đồng thời những người không chấp nhận phương thức tranh đấu của họ bị coi là "không yêu nước", "phản quốc", "Việt gian", "phản động", "phản cách mạng". Các lãnh đạo đảng cũng không đặt vấn đề khả năng của dân Việt Nam, và cái giá phải trả trong sự theo đuổi những mục tiêu nói trên, đặc biệt là sự bản cùng hóa dân Việt Nam, và tê liệt hóa nước Việt Nam, kéo theo bao nhiêu hậu quả khác, mà sự lán tràn tham nhũng chỉ là hậu quả trầm trọng nhất.

Giải quyết thế nào ?

Như đã nói ở trên, nạn tham nhũng lan tràn đã được ông Đỗ Mười đưa lên hàng một "quốc nạn".

Đã là một "quốc nạn" thì phải giải quyết. Nhưng giải quyết thế nào ? Sự xét lại các quan niệm "yêu nước", "cách mạng" liên quan mật thiết với câu hỏi này.

Nếu chấp nhận rằng quan điểm "yêu nước" và "cách mạng" kiểu các lãnh tụ cao cấp nhất của đảng chủ trương đã mang lại những hậu quả tai hại như đã phân tích ở trên, thì điều kiện căn bản để loại trừ tham nhũng phải là thay đổi, hay sửa đổi những quan niệm đó, nghĩa là thay/sửa đổi cách nhìn người, nhìn vật của giới lãnh đạo đảng hiện tại. Cách nhìn đó đã được nhắc đi nhắc lại trong các báo cáo chính trị và cương lĩnh vào dịp các đại hội của đảng : chủ thuyết Mác-Lê và "tư tưởng Hồ Chí Minh" vẫn là "kim chỉ nam" của đảng về hành động cũng như về tư tưởng. Đây là một vấn đề văn hóa, căn nguyên của tất cả các vấn đề khác. Nó biểu hiện cách suy tư của giới cầm quyền Việt Nam hiện tại, và điều hướng tất cả các chính sách, hành vi của họ.

Ông Lý Quang Diệu, cựu thủ tướng Singapore, từng được giới cầm quyền Việt Nam tham khảo ý kiến, đã gọi cách suy tư là "*mindset*", và nói rằng tình trạng Việt Nam không thay đổi gì được nếu các lãnh đạo Việt Nam không thay đổi "*mindset*" của họ.

Ngoài việc điều chỉnh ngôn ngữ, sự thay đổi/sửa đổi văn hóa trên đây đòi hỏi phải thực hiện nhiều cải tổ khác. Những loại cải tổ này đã được đề cập đến nhiều, không cần lặp lại. Ở đây chỉ cần đề cập đến những cải tổ cụ thể liên quan mật thiết đến sự bài trừ tham nhũng :

1. Hệ thống hành chánh mà đảng đặt song song với hệ thống hành chánh quốc gia phải dẹp bỏ đi để tránh nhân gấp đôi gấp ba chi phí về hành chánh, và tránh tạo cơ hội tham nhũng. Phần ngân quỹ tiết kiệm được dùng vào việc tăng lương cho viên chức còn lại. Biện pháp này tất nhiên làm cho một số đảng viên cán bộ bị loại. Vấn đề này giải quyết bằng cách mở tung kinh tế, đặc biệt là những lãnh vực thương mại, công nghiệp, và hướng những đảng viên cán bộ về những ngành đó. Khả năng về các lãnh vực này rất lớn, và các đảng viên, cán bộ có tài, có chí, siêng năng, có thể làm giàu dễ dàng, và nhất là một cách đứng đắn, lương thiện.

2. Hệ thống thuế má phải được điều chỉnh theo hai nguyên tắc chính : a/ người lợi tức cao phải trả nhiều thuế hơn người lợi tức thấp ; b/ làm sao những số tiền thường lọt vào túi tham nhũng nay được thu vào ngân sách quốc gia. Áp dụng hai nguyên tắc nói trên sẽ cho quốc gia có thêm phương tiện để tăng lương cho công chức nhà nước, và thi hành những chính sách xã hội nhằm thanh toán tình trạng bản cùng của dân chúng, và như vậy, loại sự cần thiết của tham nhũng.

3. Hệ thống tư pháp phải điều chỉnh để luật pháp minh bạch, công minh, những người mà quyền lợi bị xúc phạm có thể thưa kiện, và phán xét được đứng đắn. Điều này sẽ khuyến khích người ngoại quốc đầu tư vào Việt Nam, và nhất là người Việt ở ngoại quốc đem vốn về kinh doanh ở Việt Nam, tạo công ăn việc làm cho đồng bào.

4. Những lực lượng quân sự và an ninh phải giảm bớt. Phần ngân sách tiết kiệm được đem dùng vào việc tăng lương nhân viên nhà nước, và thực hiện những chương trình phát triển nhằm giảm áp lực của sự bản cùng của dân chúng. Những binh sĩ, nhân viên công an thặng dư sẽ được đưa vào những lãnh vực thương mại và công nghiệp để có công ăn việc làm.

Những điều trên đây chỉ có thể làm được nếu có một sự thay đổi về thể chế, mà sự thay đổi thể chế này chỉ có thể thực hiện được nếu có một sự thay đổi căn bản về tư tưởng trong cấp lãnh đạo của đảng. Họ phải có đủ sáng suốt và can đảm để cương quyết và dứt khoát từ bỏ quan niệm "yêu nước", "cách mạng" kiểu Mác-Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh. Ở đây cần nói rõ rằng "tư tưởng Hồ Chí Minh" chỉ là một nhãn hiệu khác của chủ thuyết Mác-Lê mà thôi. Ngày nào Đảng Cộng Sản Việt Nam còn bám chặt chủ thuyết Mác-Lê thì mọi tuyên bố về quyết tâm của đảng về loại trừ tham nhũng chỉ là nói suông, giả dối mà thôi.

Trong tình trạng hiện tại, với lớp lãnh đạo hiện tại, đảng kẹt cứng với tham nhũng, ta không hy vọng thấy có thay đổi gì được. Vậy thay đổi chỉ có thể thực hiện được do những người ở trong nước, không liên kết hay liên hệ gì với giới lãnh đạo đảng hiện tại, và ở một thể có thể hành động hữu hiệu được. Những người này chỉ có thể là những cán bộ đảng viên có tâm huyết, có uy tín và thành tích, không thể doạ nạt, đàn áp được. Họ là những người đã theo đảng vì muốn thực hiện lý tưởng độc lập, tự do, công bằng xã hội, canh tân xứ sở, chấm dứt cảnh "người bóc lột người".

Đứng trước cảnh Đảng Cộng Sản Việt Nam hủ hóa, đổi trụy, bị nhân dân khinh bỉ, oán ghét, và nước Việt Nam đang trên đà tụt hậu, băng hoại, họ lấy làm hổ thẹn. Nhưng liệu họ có can đảm và ý chí để làm những gì cần thiết để mang lại những thay đổi mà tình hình đòi hỏi hay không ? Giải quyết hay không giải quyết được nạn tham nhũng lan tràn tùy thuộc giải đáp cho câu hỏi đó, và giải quyết được nạn tham nhũng sẽ mở đường cho sự giải quyết nhiều vấn đề khác liên quan đến sự tồn tại và tiến lên của dân tộc Việt Nam.

Tôn Thất Thiện (Ottawa)